

ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI
TẠP CHÍ KHOA HỌC No 5 - 1993

NGUYỄN TÔNG QUAI (1693 - 1767)
NHÀ THƠ XUẤT SẮC THẾ KỶ XVIII

BUI DUY TÂN⁺

"Nhân kỷ niệm 300 năm sinh Nguyễn Tông Quai (1693-1993), trường đại học Tổng hợp Hà Nội - Khoa Ngữ văn, phối hợp với Sở văn hóa thông tin thể thao Thái Bình và Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà, tổ chức lễ tưởng niệm và Hội thảo khoa học về danh nhân văn hóa, nhà thơ Nguyễn Tông Quai, tại quê hương danh nhân vào tháng 5 - 1993.

Xin trích đăng, có rút gọn bài viết chính của Hội thảo khoa học."

x

x x

Nguyễn Tông Quai húy là Oản, tự là Quai, hiệu là Thư Hiên, sinh năm Quý Dậu 1693 tại làng Sâm, xã Phúc Khê, huyện Ngự Thiên, sau đổi là Hưng Nhân, nay là xã Hòa Tiến, huyện Hưng Hà, Thái Bình. từ nhỏ, đã thông minh đỉnh ngộ, được cha mẹ cho đi học sớm; lớn lên, theo gia đình lên sống ở kinh sư với những điều kiện học tập thuận lợi, nhất là khi trở thành sinh đồ trường Giám và theo học Thám hoa, đình nguyên Vũ Thạnh - một nho sư đức độ nổi tiếng một thời. Năm Tân Sửu (1721) Nguyễn Tông Quai đỗ hội nguyên, đứng đầu 25 tiến sĩ. Năm sau, thi đình, đậu Hoàng Giáp.

Đậu đại khoa hạng cao, Nguyễn Tông Quai được giữ chức *Hàn lâm sử quán ở Viện Hàn lâm*, sau được thăng các chức *Thừa chính Kinh Bắc, Đốc đồng Tuyên Quang*. Tháng 5-1741 (Tân Dậu) có tham gia đánh dẹp ở Sơn Tây. Năm 1742 (Nhâm Tuất) lãnh chức Phó sứ cùng Chánh sứ Nguyễn Kiều đi tuế cống nhà Thanh. Năm 1745 (Ất Sửu) mới trở về, được thăng chức *Hình bộ tá thị lang* kiêm *Lục bộ thư tụng thư* trước *Ngọ Đình hầu*. Sau bị Hoàng Ngũ Phúc giáng xuống *Hàn Lâm thị độc*, rồi bỏ quan về dạy học. Năm 1748 (Mậu Thìn) được phục chức và cử làm Chánh sứ đi sứ Thanh lần hai. Tới năm 1750 (Canh Ngọ) trở về được thăng *Hộ bộ tá thị lang*, trước hầu. Có làm quan một thời gian nữa, sau không hiểu thời gian nào bị trừ úm, cách tuột chức, mang toàn bộ gia đình về quê sinh sống. Mất ngày 4/3 âm lịch năm Đinh Hợi - 1767, tại quê nhà, hưởng thọ 75 tuổi.

Hành trạng trên chính trường của Nguyễn Tông Quai khoảng trên 30 năm, trải qua 5 đời vua và 3 đời chúa. Ông sinh thành vào thời bá đạo, đất nước loạn lạc, cương thường

(+) Khoa Ngữ Văn, trường đại học Tổng hợp Hà Nội

đồ nát, chúa lẫn quyền vua, quan lại tham bạo, nhân dân cùng khổ. Thời ấy, người khoa bảng có tiết tháo, tâm huyết, không a phụ bọn quyền gian, tránh sao khỏi bị gièm pha, khua đuôi. *Tang thương ngẫu lục chép*: "Tính ông ngay thẳng mà ghét sự tà khúc, không chịu kiêng tránh gì cả, nhân thế bị viên đại thần là Việc quân công không ưa, mượn chuyên tâu hặc, phải giáng xuống ... truất về làng". Gia phả ghi tường tận vụ việc ông và con trai bị hại: "Vi thẳng bị thiên Hoàng Ngũ Phúc hãm hại mất chức". Những ghi nhận này, chắc không xa sự thực, dầu lấy ở lục, phả.

Tóm lại, chính tích của Nguyễn Tông Quai thường là hoạt động bang giao và những công việc an nguy trị loạn. Bảy lần tên ông xuất hiện trong các bộ sử lớn thì một nửa là việc bang giao, và một nửa là những hoạt động thân dân, hệ chính, tất cả đều ích quốc lợi dân, xứng đáng một bầy tôi trung chính, yêu nước, một trí thức ưu thời mẫn thế.

*

**

Phần có ý nghĩa nhất của danh nhân văn hóa Nguyễn Tông Quai với dân, với nước, với đời vẫn là di sản thơ văn quý giá. Về mặt văn bản, tác phẩm của Nguyễn Tông Quai có hai loại: tác phẩm viết bằng chữ Hán và tác phẩm viết bằng chữ Nôm.

Tác phẩm viết bằng chữ Nôm thì phải kể đến trước hết là tập *Súc trình tân truyện*, gồm 670 câu lục bát. Bắt đầu bằng hai câu:

Cảnh Hưng rỗng dậy thứ ba

Tháng thu ngày tám, sứ Hoa khởi trình

và kết thúc bằng mấy câu:

Hoàng Hoa xong việc lữ đình

Tay đeo hai chữ bình Ninh về châu

Lời Nôm phai đậm một thiên

Đề sau con cháu đôi truyền làm gương.

Đây là một tập bút ký ghi lại những cảm hứng trước những điều tai nghe mắt thấy trong thời gian đi sứ lần đầu của ông từ Thăng Long tới Yên Kinh.

Thứ hai là tập *Ngũ luân tự*, gồm 646 câu thơ song thất lục bát. Bắt đầu bằng hai câu:

Trời sinh người thiêng hơn muôn vật

Khuôn hồng quân chao chất cương nhu

và kết thúc bằng một khổ:

bút đoạ rời râu riêng trong tráp

Khuyên nhi tôn sau chép ngâm nga

Dầu hay lấy đấy suy ra

Trung hiếu một nhà phúc đức nghìn năm.

Tác phẩm diễn ca 5 điều luân thường: vua tôi, cha con, vợ chồng, bè bạn, lấy dẫn liệu ở kho Hán học, với mục đích nêu gương những người đã xử lý tốt năm mối quan hệ, đề giáo hối người đời.

Ngoài hai tác phẩm Nôm trên đây, Nguyễn Tông Quai còn viết gần một chục bài thơ Nôm Đường luật. Đây là một chùm thơ "có thể nói là những viên ngọc trong gia sản thơ

tiếng Việt" (Mai Quốc Liên - *Dưới gốc me vườn Nguyễn Huệ* - SVHTT Nghĩa Bình, 1986).

Tác phẩm viết bằng chữ Hán của nguyên Tông Quai nổi tiếng nhất là tập thơ *Sứ Hoa từng vịnh*, gồm những sáng tác trên đường đi sứ. Đề tài là cảnh quan, phong thổ, nhân vật ... từ Thăng Long đến Yên Kinh, cùng nỗi niềm xa nhớ nước và tấm lòng trung quán, ái quốc của một sử giả - nhà thơ có ý thức cao về trách nhiệm, về đất nước và nền văn hóa dân tộc. Văn bản tác phẩm này khá phức tạp: Theo khảo sát sơ bộ tác phẩm có số thơ khoảng trên 200 bài.

Trong *Sứ Hoa từng vịnh* có những bài tựa, lời bình của người xưa. Sớm nhất là của những nhân sĩ cùng thời với Nguyễn Tông Quai người Trung Quốc và người Triều Tiên, viết trên đất Trung Hoa khi được đọc tập thơ này như: Lý Bán Thôn, Trương Hán Chiêu, Âu Dương Vương... Ở trong nước, tập thơ được nhiều danh sĩ đề tựa: Hồ Sĩ Đống, Ngô Thì Sĩ, Phan Huy Chú, Phạm Đình Hồ...

Sau *Sứ Hoa từng vịnh* là *Vịnh sử thi quyền*, một tên sách tập thơ của bốn nhà thơ nổi tiếng, thường gọi là *An Nam đại tứ tài* hoặc *Trường An tứ hõ*: Nguyễn Tông Quai, Nguyễn Trác Luân, Ngô Tuấn Cảnh, Nguyễn Bá Lân. Đây là tập thơ chuyên vịnh Bắc sử. Riêng Nguyễn Tông Quai có khoảng bảy tám mươi bài, thường được xem là thơ hay nhất tập.

Với *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Nguyễn Tông Quai đã chú thích 4 điều: 23, 32, 37 và 40. Nổi bật trong những lời chú là niềm tự hào về văn vật, cõi bờ, đất nước.

Ngoài những tác phẩm trên, gia phả còn nhắc đến *Học Ngữ* trong đó có cả thơ của hai con trai, sách đã thất truyền. Gần đây, tìm thêm được: 1- *Bài văn sách thi hội* năm 1721 trong *Lê Triều hội thi văn tập*. 2- Bài văn bia *Trùng tu thánh miếu bị kí*, soạn năm cảnh Hưng thứ 12 (1761) cho Văn Miếu xã Trần Xá - Kinh Môn - Hải Dương (nay là Hải Hưng). 3- *Bài khai mừng diêm lành, mừng dẹp giặc* trong *Biểu Khai văn tập* vv...

*
* *

Có thể khách quan khẳng định, Nguyễn Tông Quai có ít nhất ba cống hiến cao giá đối với sự phát triển của văn học Hán Nôm thời trung đại:

Thứ nhất là: Nguyễn Tông Quai đưa một đề tài mới vào một thể loại mới - kí thơ Nôm, và đẩy mạnh quá trình dân tộc hóa khuynh hướng diễn ca đạo đức kinh truyện.

Tài Nôm và đóng góp của Nguyễn Tông Quai vào sự phát triển thơ Nôm đã được nhiều nhà nghiên cứu bàn đến, ở đây chỉ xin lưu ý mấy điểm sau:

Trước Nguyễn Tông Quai, đề tài *đi sứ* đang còn trống vắng tác phẩm quốc âm. Thế kỉ 15, khi sang sứ Minh, Đỗ Cận có viết *Kim lăng kí* bằng quốc âm, nhưng văn bản đã mất từ lâu. Sang thế kỉ 16, Hoàng Sĩ Khải có *Sứ trình khúc* và *Sứ Bắc quốc ngữ thi tập*, cũng đã thất truyền và không rõ đó có phải tác phẩm thơ Nôm đích thực? *Sứ trình tân truyện* xuất hiện như một "đặc sản" diễn vào mảng trống ấy, Nguyễn Tông Quai được xem là nhà thơ Nôm đầu tiên dùng Nôm viết về đề tài đi sứ; hơn nữa, đề tài mới lại được thể hiện ở một thể loại mới: *thể ký bằng thơ quốc âm*, tuy rằng tên tác phẩm là *tân truyện*.

Tuy nhiên, đề tài và thể loại mới này chỉ được khẳng định khi *sứ trình tân truyện* thực sự là một thể nghiệm thành công. Toàn bộ tác phẩm là một áng thơ rất đẹp, tứ thơ

văn nhã, tài hoa, âm điệu hài hòa, róc rắt, hành văn lưu loát, trôi chảy, tiếp lời liền mạch. Những đoạn thể này:

Non xanh nước biếc mây lồng,
Tam Thanh một động gồm cùng hòa ba.
Ngọc đông nên cảnh chiến già,
Hương lừng mùi quế, bóng lòe màu đan.
Bồ lao om núi kêu ran,
Sơ sương một tiếng rã tan mọi niềm.

So với lục bát ở diễn ca lịch sử và văn ca trước đó, đã nhuần nhị uyển chuyển, tươi mát biết bao. Lời thơ trau chuốt, trong sáng, đánh dấu bước phát triển mới về ngôn ngữ văn học so với thơ Nôm Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, gồm 700 câu thơ đẹp đẽ, đều tay, giàu hình ảnh, nhiều màu sắc như thế, đã chứng tỏ tiếng Việt văn học đang tự khẳng định khả năng giàu đẹp của nó.

Về sáng tác Nôm của ông, cũng nên ghi nhận điều này: Trước Nguyễn Tông Quai, ta không còn giữ được những bản diễn ca đạo lý, kinh truyện. Các sách diễn ca Kinh Dịch, Kinh Thi của Phùng Khắc Khoan, Đặng Thái Phương, Nguyễn Bá Lân, đều thất truyền. Chừng đó, sự tồn tại của *Ngũ Luân tự* - đích thực là của Nguyễn Tông Quai - có thể coi là một cố gắng của tác giả khi dùng thể *Song thất lục bát* để diễn ca năm quan hệ một cách bình dị, lưu loát:

Ngày thành thay thanh nhân vô sự
Quyền cõ thư tay giờ lẫn lẩn
Xưa xem đến mục nhân luân
Sắp bài hiếu tử trung thần kẻ xưa.
Lòng say sưa gắm lâu bền nhớ
Chấp chính làm quốc ngữ một thiên.

Qua thành tựu thơ Nôm, ở cả ba thể tài cơ bản Nôm Đường luật, Nôm lục bát, Nôm song thất lục bát, cần thiết khẳng định vị trí của ông trong lịch sử văn học Việt Nam - một vị trí mà trước nay do chưa phát hiện ra thơ Nôm của ông, chúng ta chưa đặt đúng.

Thứ hai là: Với Sứ hoa từng vinh, Nguyễn Tông Quai nổi tiếng là một sứ giả - nhà thơ.

Kề trong gần vạn bài thơ ở hàng trăm tập thơ sứ trình không thiếu những tài hoa thượng thặng. Lê Quý Đôn, Phan Huy chú, Phạm Đình Hồ từng đánh giá cao thơ đi sứ của Phạm Sứ Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn. Đến Lê Trung Hưng, cũng có nhiều tập thơ đi sứ nổi tiếng của Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Huy Oánh, Hồ Sĩ Đống... Nhưng không tập nào có được vinh dự cao tột trong sự khẳng định tài hoa cho bằng *Sứ Hoa từng vinh*. Tập thơ đã được các tay danh bút nước ngoài hết lời ca ngợi, Âu Dương Vương - Trung Quốc - trong lời bình viết: "Tả cảnh thì công phu điêu luyện như họa, tả tình thì chân thật sâu kín, thơ của Hạo Hiên (Nguyễn Kiều) thâm sâu, bi thiết như Thiệu Lăng (Đỗ Phủ). Thơ của Thư Hiên cao nhã phóng khoáng như Thái Bạch (Lý Bạch)". Dẫn những lời khen của danh sỹ nước ngoài, sợ có người còn băn khoăn về phương diện *giao tế, thù tạc*? Thì đây, những nhận xét chắc phải khách quan, vô tư của chính danh sỹ nước ta:

Phan Huy Chú coi tập thơ "điều luyện, mới mẻ, đáng ưa", Ngô Thì Sĩ cũng phải hạ bút khen "*Sứ Hoa từng Vịnh* lừng tiếng là thơ hay khắp cõi", Hồ Sĩ Đống (anh trai của Hồ Xuân Hương) - sứ giả nhà thơ nổi tiếng một thời - buồn vì không được thụ giáo tiên sinh, khi được đọc thơ ông thì mừng, xem đó là "mỗi nhân duyên gặp gỡ". Khen lao như thế, thì những tài ba kiệt liệt trong làng thơ đi sứ như Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Huy Oánh, Hồ Sĩ Đống... cũng không có được. Xin dẫn ra đây dù chỉ trong muôn một, bài *Thái Thạch hoài thanh liên* (đến gềnh Thái Thạch, nhớ Thanh Liên Lý Bạch, thơ dịch):

Con thuyền nước biếc non xanh,
Cần khôn túy lúy, tâm tình lãng lãng.
Uống vơi ngàn lớp sông trắng,
Ngâm vang doanh Hán, cung Hằng năm canh.
Bụi mù, ngựa ruổi dê kinh,
Tiên say bạn lửa, cười kình cung mây.
Thanh cao đỉnh cổ còn đây,
Sông chiều, mây tỏa, khói bay trùng trùng.

Bài thơ gắn với một huyền thoại diêu kỳ về Lý Bạch với trăng và "đỉnh bất trắng", ở trên gềnh Thái Thạch. Hai câu được xem là thần cú:

Ẩm tàn giang quốc thiên ba nguyệt,
Ngâm động tinh hà ngũ dạ thiên.

Dịch thành Đường luật:

Uống cạn sông trăng ngàn lớp sóng
Ngâm động tinh hà suốt năm canh.

Thơ *Sứ Hoa từng vịnh* thường thanh cao, diễm lệ, cân đối, hài hòa, giàu hình ảnh đường nét. Người xưa đọc thơ xưa có bao giờ lảm, thơ như thế thì tuyệt hay! Nguyễn Tông Quai qua tài thơ, xứng đáng có vị trí cao trong nẻo thơ đi sứ.

Trong *Sứ Hoa từng vịnh* còn có ngót 50 bài thơ xướng hoa, tặng đáp giữa Nguyễn Tông Quai và các danh sĩ Trung Quốc, Triều Tiên: Lưu đình Cơ, Trương Văn Quý, Lí Bán Thôn, Đặng Đình Tùng ... Ở những bài thơ này tuy có tính chất giao tế, thù tạc song vẫn thể hiện sự cởi mở, chân tình trong tình cảm, sự linh hoạt, tài ba của ngọn bút Nguyễn Tông Quai. Hãy nghe hai câu trong bài *Gián Triều Tiên Quốc sứ* (thơ gửi sứ thần Triều Tiên):

Y tích hoàng hoa thù tự ngã
Liên triều đàm tiếu yến diên trung
(Sứ xưa ai được như ta
Giữa triều yến tiệc âu ca thẩm tình).

Và sứ thần Triều Tiên đáp lại cũng rất thân thiết, trong bài họa nguyện vận, thơ dịch:

Cùng vui chén rượu đêm trường
Xe bay khôn nổi theo đường gió đưa.

Thứ ba là: Trong thẻ bài thơ vịnh sứ, Nguyễn Tông Quai cũng tạo dựng cho riêng

mình một phong cách.

Thơ vịnh sử là lối thơ vịnh truyện cũ, người xưa, nhằm mục đích giáo huấn. Thời trước, đã có thơ vịnh sử của nhiều danh gia: Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm, Hà Nhậm Đại, Lê Quang Bí, Vũ Công Đạo v.v.... trong đó một số bài thơ đã kết hợp được việc đề cao Nho giáo với tinh thần tự hào dân tộc, việc bình luận sự kiện lịch sử với việc thể hiện phẩm chất thâm mĩ của sự kiện. Cho nên, từng có không ít những bài thơ vịnh sử trở thành những bài thơ yêu nước, thương đời. Thơ vịnh sử của Nguyễn Tông Quai, chỉ viết về nhân vật và sự kiện Bắc sử. Lối thơ này thường khô khan, vô vị. Nhưng với Nguyễn Tông Quai, tài thơ bẩm sinh đã giúp ông hạn chế được mục đích giáo huấn lộ liễu vốn có, đồng thời phát huy được phẩm chất thâm mĩ của đối tượng, khiến cho thơ vịnh sử của ông có một vẻ riêng tư độc đáo. Chẳng hạn, bài vịnh *Tô Vũ mục kì* (Tô Vũ Chấn dê) có hai câu:

*Trung quân nhị tự kiên khôn định
Ái quốc nhất tâm nhật nguyệt phù
(Ngang trời đất trung quân hai chữ
Thấu nhật nguyệt ái quốc một lòng)*

Gắn liền trung quân và ái quốc vốn là cảm hứng thường thấy trong "thi ca đất Việt". Hình như Nguyễn Tông Quai không hứng thú lắm với việc tuyển chọn nhân vật và sự kiện chỉ có ý nghĩa đạo đức. Ít lí luận khô khan, lạnh lùng, mà trư tình cảm thông, trân trọng, thiết tha yêu thương, hoặc khinh bỉ, căm ghét đến tột cùng, là đặc điểm của thơ vịnh sử của Nguyễn Tông Quai. Bài *Nhân Trệ* (Lợn người) nhằm lên án hành vi đánh ghen tàn bạo của Lã Hậu, cắt tai, chặt chân tay Thích phu nhân, rồi bỏ nàng vào chuồng xí. Bài *Ô giang đình trường* (Đình trường trên sông Ô) là nỗi than tiếc cho Hạng Vũ có sức "bat sơn cử đỉnh" mà phải táng vong để bảo toàn danh dự. Bài *Bái cung trí tiếu* (Đặt tiệc rượu ở cung ấp Bái) vừa xót thương nỗi can khốc của Hàn Tín, vừa ngậm ngùi cho số phận bậc trung lương.

Ba cống hiến đáng ghi nhận cho sự phát triển của văn học dân tộc, cũng chính là qua đó, thấy được tấm lòng ngàn đời của nhà thơ Nguyễn Tông Quai.

4 - 93

(Có sự cộng tác của Chu Xuân Giao)

NGUYEN TONG QUAI (1693 - 1767)-
AN OUTSTANDING POET OF THE EIGHTEENTH CENTURY
NGUYEN TONG QUAI'S

BUI DUY TAN

Philological Faculty

This article is dedicated to the 300 th anniversary of birthday. After giving some glimpses of the poet's personality and literary career, the article introduces the poet's literary career, the article introduces the poet's poetry works. In particular the article confirms the poet's talent for composing poetry in Vietnamese and his considerable contribution to the development of the national literature.